TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2026/HNGĐ - ST
Ngày 10 - 4 - 2026
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trường Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khảm.

Ông Đoàn Văn Đoan.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Việt Anh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2025/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị Thu T, sinh năm 1994; Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã V, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang tạm trú tại Nhật Bản, " vắng mặt".

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1993 và bà Trịnh Thị L, sinh năm 2001; cùng có địa chỉ: Số H, đường N, phường T, thành phố Hải Phòng (theo giấy ủy quyền ngày 22/8/2025). "vắng mặt"

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn A, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, tỉnh Phú Thọ "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 8 năm 2025 và bản tự khai chị Hà Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 08/12/2015, chị và anh Lê Văn A đã đăng ký kết hôn, được UBND xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (hiện nay là UBND xã V, tỉnh Phú Thọ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 040/2015. Sau khi kết hôn, chị và anh A cùng nhau sinh sống và làm việc tại Thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (hiện nay là Thôn Đ, xã V, tỉnh Phú Thọ). Thời gian đầu sau khi kết hôn

anh chị chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng càng về sau thì càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, bất đồng trong việc chi tiêu trong gia đình, chăm sóc con cái và cách nhìn nhận cuộc sống của hai bên không phù hợp với nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cự, xúc phạm lẫn nhau. Từ đó chị và anh A đã ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay. Đến năm 2022, chị cùng các con về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống và do cuộc sống khó khăn nên ngày 18/07/2023, chị sang Nhật Bản xuất khẩu lao động. Cuộc sống vợ chồng xa cách nên anh, chị không còn quan tâm đến nhau, mệnh ai người nấy sống. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng để hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai gia đình cũng nhiều lần can thiệp nhưng mục đích hôn nhân không thể cứu vãn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung cũng đã mất, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A để mỗi người có cuộc sống cho riêng mình.

Về con chung: Qúa trình chung sống chị T và anh A có 02 con chung là cháu Lê Đăng K, sinh ngày 18/04/2017 và cháu Lê Đăng Q, sinh ngày 09/05/2019. Hiện nay, cháu K, cháu Q đang sống cùng với ông bà ngoại. Khi ly hôn chị đề nghị giao cháu K, cháu Q cho anh A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T tự nguyện cấp dưỡng cho anh A nuôi con chung là 2.000.000 đồng/cháu/tháng.

Về tài sản chung: Chị T và anh A T2 thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh A không có nợ chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Ngoài ra chị T xin đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án với lý do chị và anh A không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được cho nên chị nhất định phải ly hôn với anh Lê Văn A để nhanh chóng giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Văn A1 vắng mặt tại phiên tòa xong tại bản tự khai khai ngày 17 tháng 10 năm 2025, anh trình bày: Ngày 08/12/2015 anh và chị Hà Thị Thu T đã đăng ký kết hôn, được UBND xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (hiện nay là UBND xã V, tỉnh Phú Thọ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 040/2015. Sau khi kết hôn, thì anh và chị T cùng nhau sinh sống và làm việc tại Thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (hiện nay là Thôn Đ, xã V, tỉnh Phú Thọ). Thời gian đầu sau khi kết hôn anh và chị T chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng càng về sau thì càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, bất đồng trong việc chi tiêu trong gia đình, chăm sóc con cái và cách nhìn nhận cuộc sống của hai bên không phù hợp với nhau. Anh và chị T đã ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay. Đến năm 2022 thì chị T cùng các con về nhà bố mẹ đẻ của chị T sinh sống và ngày 18/07/2023 chị T đã sang Nhật Bản xuất khẩu lao động. Cuộc sống vợ chồng xa cách nên chúng tôi

không còn quan tâm đến nhau, mệnh ai người nấy sống. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng để hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai gia đình cũng nhiều lần can thiệp nhưng mục đích hôn nhân không thể cứu vãn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung cũng đã mất, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà Thị Thu T để mỗi người có cuộc sống cho riêng mình.

Về con chung: Qúa trình chung sống anh và chị T có 02 con chung là cháu Lê Đăng K, sinh ngày 18/04/2017 và cháu Lê Đăng Q, sinh ngày 09/05/2019. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu K, cháu Q cho anh là bố đẻ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh đề nghị chị T sẽ cấp dưỡng nuôi cháu K, cháu Q cho anh là 2.000.000 đồng/cháu/tháng.

Về tài sản chung: Anh tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Ngoài ra anh xác định anh và chị T không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, chúng tôi bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung cho nên anh nhất định phải ly hôn với chị Hà Thị Thu T và đề nghị Tòa án không làm các thủ tục hòa giải sau khi thụ lý vụ án đề nhanh chóng giải quyết cho tôi theo đúng quy định của pháp luật.

Vì lý do bận công việc nên anh không đến làm việc với tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ được. Vì vậy anh đề nghị được: Vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và các phiên tòa xét xử các cấp mở ra. Vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, giao nộp tài liệu chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng mối quan hệ có tranh chấp, xác định đúng tư cách đương sự, lập hồ sơ vụ án, cho các đương sự trình bày đầy đủ, lập biên bản giao nhận các văn bản tố tụng, tống đạt thông báo thụ lý, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời gian đúng quy định, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận cho chị Hà Thị Thu T được ly hôn anh Lê Văn A.

Về con chung: Giao cho anh Lê Văn A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Đăng K, sinh ngày 18/04/2017 và cháu Lê Đăng Q, sinh ngày 09/05/2019.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hà Thị Thu T phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/cháu/tháng và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Hà Thị Thu T phải chị án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Do bị đơn đăng ký thường trú và cư trú tại thôn Đ, xã V, tỉnh Phú Thọ nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự

Qúa trình giải quyết vụ án chị T và anh A đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, và anh A trong bản tự khai đã xin vắng mặt trong toàn bộ quá tình giải quyết vụ án, Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh A theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của các đương sự thể hiện. Việc kết hôn giữa chị Hà Thị Thu T và anh Lê Văn A trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã V, tỉnh Phú Thọ). Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh A là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng càng về sau thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không tôn trọng nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, xúc phạm nhau. Kể từ năm 2021 đến nay thì vợ chồng đã sống ly thân, đến năm 2022 thì chị T đã về nhà mẹ đẻ chị ở và năm 2023 thì chị T đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản từ đó cuộc sống vợ chồng xa cách nên không còn quan tâm đến nhau, mệnh ai người nấy sống. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng để hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai gia đình cũng nhiều lần can thiệp nhưng mục đích hôn nhân không thể cứu vãn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Quá trình giải quyết vụ án chị T vẫn giữ quan điểm xin ly hôn anh A. Về phía anh A quá trình giải quyết vụ án

anh đã trình bày anh thừa nhận về mẫu thuẫn giữa hai vợ chồng và hiện nay anh cũng không còn tình cảm với chị T nên anh cũng nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị T. Đồng thời cả chị T và anh A đều nhất quyết xin ly hôn và không đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải cho hai vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa hai anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích để xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Hà Thị Thu T được ly hôn anh Lê Văn A. Ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị Hà Thị Thu T và anh Lê Văn A có 02 con chung là cháu Lê Đăng K, sinh ngày 18/04/2017 và cháu Lê Đăng Q, sinh ngày 09/05/2019. Hiện nay các cháu đang ở cùng anh A. Qúa trình giải quyết vụ án chị T đề nghị giao cả hai cháu cho anh Lê Văn A chăm sóc nuôi dưỡng và anh A nhất trí chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu.

Hội đồng xét xử thấy rằng các cháu K và cháu Q đều còn nhỏ tuổi, cần có sự chăm sóc, giáo dục thường xuyên của cha, mẹ. Hiện nay chị T đang lao động ở nước ngoài (Nhật Bản), không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con; trong khi đó anh A đang sinh sống tại địa phương, có điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc các cháu. Mặt khác, việc cả chị T và anh A đều thống nhất giao các cháu cho anh A nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và phù hợp với lợi ích về mọi mặt của các cháu. Hơn nữa quá trình làm việc Tòa án đã lấy lời khai cháu K cháu có nguyện vọng ở với anh A. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Lê Đăng K và cháu Lê Đăng Q cho anh Lê Văn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng, tổng cộng là 4.000.000 đồng/tháng và anh A cũng đồng ý với mức cấp dưỡng này. Xét thấy mức cấp dưỡng này là phù hợp với điều kiện, khả năng của chị T và nhu cầu thiết yếu của các cháu nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản: Chị Hà Thị Thu T và anh Lê Văn A đều không đề nghị nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Hà Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Cho chị Hà Thị Thu T được ly hôn anh Lê Văn A.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Văn A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Đăng K, sinh ngày 18/04/2017 và cháu Lê Đăng Q, sinh ngày 09/05/2019.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hà Thị Thu T có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh A với mức cấp dưỡng 2.000.000đ/cháu/tháng, tổng cộng cả hai cháu là 4.000.000đ/tháng. Chị Hà Thị Thu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về án phí: Chị Hà Thị Thu T phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003401 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ, chị Hà Thị Thu T còn phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 10 – Phú Thọ;
- THADS khu vực 10 – Phú Thọ;
- Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tường;
- Lưu HS + VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trường Sơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phan Thanh Minh	**Lê Thị Bích Thuần**	**Nguyễn Tấn Tám**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Ủy ban nhân dân xã Hương Sơn;
- Lưu HS + VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tám